

## HIỆN TƯỢNG “GIAN ĐẠO SĨ” Ở NAM BỘ THẾ KỶ 19

**Tóm tắt:** “Gian đạo sĩ” là cách nhà Nguyễn từ thời Thiệu Trị trở về sau và cả chính quyền thuộc địa của người Pháp sau này thường dùng để gọi những người lãnh đạo các phong trào tôn giáo dân gian ở Nam Bộ. Đây không phải là việc ngẫu nhiên, mà có nguồn gốc sâu xa, bởi lẽ nhà cầm quyền trong thời gian này dường như đã nhìn thấy mối quan hệ mật thiết giữa các tôn giáo nội sinh ở Nam Bộ với các phong trào đấu tranh vũ trang chống chính quyền của nhiều giáo phái dân gian ở Hoa Nam, Trung Quốc. Trong bài viết này, tác giả kết hợp phân tích các dữ kiện lịch sử, dựa trên điểm tương đồng cốt lõi trong hình thức tín ngưỡng Ngũ Công Vương Phật, và khảo cứu các câu chuyện truyền miệng và tư liệu thành văn ghi chép về các ông đạo từng bị mệnh danh là “gian đạo sĩ” nhằm làm rõ một hiện tượng văn hóa, tôn giáo thú vị ở Nam Bộ thế kỷ 19.

**Từ khóa:** Nam Bộ; gian đạo sĩ; tôn giáo nội sinh; thế kỷ 19.

### 1. “Gian đạo sĩ” - Từ Trung Quốc đến Việt Nam

“Gian đạo sĩ” là một khái niệm khá quen thuộc của Đạo giáo ở Trung Quốc, dùng để chỉ những tu sĩ Đạo giáo tu hành không chân chính, không giữ nghiêm giới luật thanh quy, có những hành vi bất chính, như: tham sắc, tham tài, lừa dối, trộm cắp, gian dâm, v.v... làm ảnh hưởng đến thanh thế của đạo quán, nếu phát hiện sẽ bị trục xuất khỏi sư môn. Đến thời Minh - Thanh, Nho - Phật - Đạo hợp lưu, nhiều giáo phái dân gian ra đời, khái niệm “gian đạo sĩ” còn bao hàm cả những người tu hành bất chính theo Phật giáo lẫn Nho giáo. Đặc biệt đến thời cuối thời Minh đầu Thanh, nhiều thế lực chính trị bất mãn ngoại di thống trị, muốn khôi phục quyền lực Hán tộc, đã lợi dụng các

---

\* Khoa Sư phạm, Đại học An Giang.

Ngày nhận bài: 20/02/2019; Ngày biên tập: 07/3/2019; Duyệt đăng: 21/3/2019.

giáo phái dân gian ra đời trước đó, giải thích thuyết “thiên mệnh thần quyền” cổ hữu theo hướng “trời đã trao sứ mệnh cho ta” để kêu gọi khởi nghĩa “phản Thanh phục Minh”. Triều đình nhà Thanh đã dùng cách gọi “gian đạo sĩ” để chỉ những thế lực chính trị không tu hành thuần túy, mà sử dụng tôn giáo làm ngọn cờ quần tụ nghĩa sĩ chống phá triều đình.

Do thế lực nhà Thanh ngày một mạnh, đặc biệt đạt đến thịnh trị dưới các đời Khang Hy, Ung Chính, Càn Long, nên các thế lực phản Thanh bị tiêu trừ và đàn áp, phải di cư sang khắp các nước Đông Nam Á. Sau 2 lần thất bại trong Chiến tranh Nha phiến (1839-1842, 1856-1860), nhà Thanh phải ký kết bồi thường và cắt đất cho thực dân phương Tây, các giáo phái nổi dậy khắp nơi chống ngoại xâm, trong đó thế lực Thiên Địa Hội lớn mạnh khắp vùng lưu vực sông Trường Giang và Chu Giang. Đặc biệt là sau khi cuộc khởi nghĩa Thái Bình Thiên Quốc (1851-1864) thất bại, tiếp tục có một làn sóng người Hoa di cư xuống phía Nam, góp phần đưa các tôn giáo dân gian, các hội kín mang màu sắc tôn giáo vùng Hoa Nam truyền đến Việt Nam, mà chủ yếu là vùng đất Nam Bộ.

Ở Nam Bộ, truyện kể về các ông đạo bị mệnh danh là “gian đạo sĩ” lưu truyền rộng rãi ở nhiều nơi, đặc biệt là khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, nơi các tôn giáo dân gian ra đời và phát triển rầm rộ ở nửa cuối thế kỷ 19. Trong đó, phần lớn các câu chuyện ra đời tại tỉnh An Giang, nơi giáp ranh với tỉnh Kampot của Campuchia, gắn liền với những truyền thuyết ly kỳ về giới đạo sĩ tu luyện huyền thuật trên các ngọn núi thiêng trong dãy Thất Sơn hoặc Tà Lon (Bokor). Vùng đất biên thùy hẻo lánh này không chỉ là nơi phát tích của nhiều tôn giáo nội sinh Nam Bộ nửa cuối thế kỷ 19, như: Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, mà còn là chốn dung thân tụ nghĩa của các chí sĩ, đạo sĩ Trung Hoa lẫn Việt Nam sau thất bại của nhiều phong trào đấu tranh chống thực dân phương Tây xâm lược. Chính vì thế mà cuối thế kỷ 19, các ông đạo nơi đây luôn bị chính quyền nhà Nguyễn lẫn thực dân Pháp để ý, can thiệp lưu trú, nhiều lần đưa quân giải tán, thậm chí đàn áp. Dưới đây là nội dung khảo sát về một số ông đạo tiêu biểu bị nghi ngờ là “gian đạo sĩ” ở thế kỷ 19.

## 2. Truyền thuyết dân gian và tư liệu thành văn về các “gian đạo sĩ” ở Nam Bộ

### 2.1. Tô Quang Xuân ở Quan Âm Cổ Tự (chùa Phật Tổ, Cà Mau)

Năm 2013, chúng tôi tiến hành điền dã tại chùa Phước Điền (Trại Ruộng), một trong những cứ điểm quan trọng của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương ở Tịnh Biên, An Giang. Dem chuyện “Đức Phật Vương là ai?” trong câu sấm truyền miệng quen thuộc “Tứ bửu linh tự”<sup>1</sup> của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương ra hỏi một vị tín đồ cao niên. Ông bảo “Phật Vương là Tô Quang Xuân ở chùa Phật Tổ, Cà Mau, tổ đường ở đó trước đây có thờ trần điều”. Trả lời xong, ông còn đọc nhiều câu sấm giảng bí truyền mà ông cho rằng rất ít người biết vì chưa được công bố, chỉ tín đồ cao niên mới biết. Người tín đồ từ chối cho biết danh tánh ấy đã để lại trong tôi nhiều nghi hoặc, thế là tôi bắt đầu tìm hiểu về ngôi chùa và vị tu sĩ họ Tô kỳ bí này.

Liên quan đến Tô Quang Xuân (?-1842) có nhiều truyền thuyết dân gian, nhưng những ghi chép chính thức và đáng tin cậy nhất đến từ quyển *Cà Mau xưa và An Xuyên nay*, xuất bản năm 1972 mà tác giả Nghệ Văn Lương là một người am tường vùng đất Cà Mau đã cất công sưu tầm. Trong phần *Chùa Đức Phật Tổ Sư* có giới thiệu hoàn cảnh ra đời Chùa Phật Tổ và hành trạng ngài Tô Quang Xuân. Nội dung tóm lược thuật như sau:

Đời vua Tự Đức, ngài Tô Quang Xuân gốc ở Đầm Dơi xã Tân Duyệt (Cà Mau), là người sùng bái đạo Phật, tuy không trường chay khổ hạnh nhưng sống ngay thẳng chan hòa nên ai cũng mến yêu. Lớn lên, cha mẹ có hứa hôn, ngài vào rừng đốn củi may gặp được cuốn *kinh Năm Ông*, đem về nhà đọc cày tỏ ngộ, nên quyết tâm tu hành, khước từ hôn nhân, dứt tình quyến thuộc. Ngài ra Cà Mau chọn nơi lập am tu hành, bị nhiều người mỉa mai nhưng vẫn kiên trì theo đạo, vài năm sau *mở phòng thuốc trị bệnh*, cứu giúp những người bệnh trầm kha được mạnh lành. Nhờ đó danh tiếng ngài đồn đãi xa gần, môn đạo kéo đến ngày một đông. Ít lâu, có kẻ ganh ghét *vu cáo ngài là gian đạo sĩ*, cố tâm làm loạn, nên bị quan trên bắt giải về Gia Định<sup>2</sup>. Môn đạo khóc than thảm thiết xin theo, ngài vỗ về an ủi, giải đi đến đâu được mọi người hâm mộ sùng bái đến đó. Quan trên bày ra *nhiều*

*trò thử thách* như lột tượng phật dưới chiếu cho ngài ngồi, trộn thịt với đồ chay bảo ngài ăn, nhưng đều bị ngài phát hiện và hóa giải. Chùng đó, quan trên thấy ngài là bậc chân tu đặc đạo, bèn dâng sớ về triều đình, vua bèn ban *sắc phong Hòa thượng*. Ngài được an trí tại chùa Kim Chương, lòng buồn bã chẳng yên, ngày 3 tháng 6 năm 1842 ngài viên tịch, vua hay tin ban cho hai cây gắm để tẩm liệm thi hài và cho đem linh cữu ngài về Cà Mau an táng<sup>3</sup>.

Câu chuyện trên tiết lộ Tô Quang Xuân bị người khác vu cáo là gian đạo sĩ vì “cố tâm làm loạn”, tương ứng với câu thơ lưu truyền trong dân gian:

Tập trung đông đúc cả ngày,

Toan mưu làm phản có ngày phé vua.

ám chỉ ông lôi kéo tín đồ âm mưu phản loạn, soán ngai vua. Tiếp đó, ông rơi vào vòng lao lý, trải qua nhiều thử thách khắc nghiệt để cuối cùng được giải oan và công nhận là bậc tu hành chân chính. Ngày nay, ngôi chùa ra đời năm 1840 này, dù không còn giữ sắc phong gốc được ban ngày 3 tháng 6 năm Nhâm Dần (Thiệu Trị thứ 2, 1842), nhưng trong chùa vẫn còn tấm bia đá khắc bài *Sắc tứ Quan Âm Cổ Tự* do một vị Hàn lâm Viện học sĩ vâng lệnh vua biên soạn với nội dung như sau:

Chiếu rằng: Trẫm nghĩ, chốn Kỳ Viên sum xuê, trăm hoa đua nở đầy cảnh; cảnh sắc ta bà, muôn xưa không sinh không diệt. Bờ giác xa xôi, từng nghe nương một cành lau mà đến; trời tây vời vợi, chỉ có thuyền rồng mới vượt đến nơi. Đã trung việc cổ, để nghiệm đời nay. Vừa đọc tổ chương, ngỡ như ve vàng trước mắt; duyệt qua văn sớ, mới tường ngài đã cõi hạc quy tiên. Người linh trời đất cũng linh, vương pháp tâm đồng Phật pháp. Gắm vóc ban cho, cầu siêu lạc quốc, hòa thượng hóa thân rực rỡ, còn phải phong sắc làm chi. Lúc đó ngài thoát xác, hiển danh tháp tịnh trang nghiêm, vinh dự cùng với ân điển nước nhà. Hỡi ôi! Tiên cảnh không vướng bụi trần, thiên đường ắt là có nẻo. Ta ban một đạo sắc, thể hiện tấm lòng sùng thượng, gắm vóc đôi cây, để ghi ân huệ triều đình, làm sáng rõ công đức của ngài. Khá kính thay!<sup>4</sup>

Đáng chú ý, cuối tấm bia là dòng chữ Hán “Tự Lâm Tế chánh tông, tam thập thất thế, thượng Trí hạ Tâm, tánh Tô Quang Xuân, sắc phong

hòa thượng giác linh” (Sắc phong trước giác linh hòa thượng kế thừa dòng Lâm Tế chánh tông đời thứ 37, pháp danh Trí Tâm, tục danh Tô Quang Xuân), tương ứng với câu thơ trong dân gian:

Sắc phong Hòa thượng cho Thầy Quang Xuân,

Pháp hiệu thượng Trí hạ Tâm,

Chùa thì sắc tứ Quan Âm đời đời.

Nếu đạo sắc này có thật, thì dường như ngài Tô Quang Xuân đã được triều đình sắp đặt cho quy y theo dòng Lâm Tế chính thống đương thời. Một điều đáng suy ngẫm là, từ một người bị nghi là gian đạo sĩ, trở thành một người được vua Thiệu Trị tiếc thương ban sắc phong với lời lẽ nhún nhường tôn kính như vậy, ắt phải có nguyên nhân bên trong của nó.

## **2.2. Sư Cổ Hà Minh Nhựt (Cù lao Ông Chưởng, Chợ Mới, An Giang)**

Sư Cổ Hà Minh Nhựt (1802-1877) hay Minh Nhựt thiền sư là người sáng lập chùa An Long Cổ Tự (người dân quen gọi là chùa Cổ, chùa Sư Cổ), hiện tọa lạc tại cù lao Ông Chưởng, xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. So với các vị còn lại, tên tuổi ngài ít được nhiều người biết đến. Tư liệu thu thập điền dã tại chùa giới thiệu về hành trạng cuộc đời của ngài như sau:

Sư Cổ tên thật là Hà Văn Giáo, sinh năm 1802, người gốc xã Long Kiến, thiếu thời giúp gia đình cày cấy, bẫm tính hiền từ, chỉ dùng chay lạt, bắt đi coi chim nhưng ngài không đuổi, chỉ lo lấy đất sét nặn đủ các loại tượng Phật theo trí tưởng tượng rồi cất trong chòi. Thân sinh ngài đến thăm lúa, thấy sự tình nổi giận, đem hết tượng Phật quăng xuống sông, lạ là tượng nổi không chìm, Sư Cổ bèn chạy xuống dưới dòng vớt hết lên, từ đó cha ông cho con tự do hành đạo. Ngài lập am tu hành, dân chúng nghe đồn linh nghiệm kéo đến càng đông, am được xây dựng to lớn hơn. Sư Cổ bắt đầu *trị bệnh cứu đời*, đặc biệt là bệnh “tà trí rối loạn”, “*dùng thuật ngữ* thuyết cho người bệnh nghe lần lần hết bệnh, rồi quy y đầu Phật tu hành”. Sự màu nhiệm đó khiến tin đồn lan xa, ông bắt đầu thuyết pháp thu nhận tín đồ, thuyền ghe lui tới tấp nập. Khoảng năm 1825, ngài Đoàn Minh Huyền có ghé qua thăm -

“Lại chùa sư Nhựt ở rày hôm mai; Ghé chùa sư Nhựt ở rày đêm nay”, gọi bằng “Ngài” và tỏ ra ái mộ sự tu hành của Sư Cố. Mấy năm sau, quan Tổng trấn An Giang<sup>5</sup> mời Sư Cố đăng đàn thuyết pháp, rồi chỉ thị ngài đến Cái Bè *học hành giáo lý bài bản* với Hòa thượng Tổ, được thầy đổi tên là Hà Minh Nhựt, còn *xin triều đình ban sắc phong Hòa thượng*. Ít lâu sau ngài trở về chùa tu hành và tiếp tục trị bệnh, năm 1840 cứu vợ quan Tổng trấn bị bệnh nan y khỏi bệnh bằng “thuật ngữ và uống nước lã”. Quan Tổng trấn biết ơn tâu lên triều đình, “*triều đình ban cây gươm dài lưỡi bằng vàng, cán khắc chạm tứ quý và bản văn ấn khuyết ghi rõ sát tà trị bệnh, cây gươm truyền đến đời Càn Vương sau khi Sư Cố tịch diệt. Đến thời Thiên Địa Hội chống Pháp xâm lăng, quân địch lùng kiếm những người đời sau có liên hệ đến ngôi chùa, vì sợ quá nên sư trụ trì đem kiếm quăng dưới lòng sông Ông Chưởng*”, đến nay không tìm gặp. Năm 1877, ngài già yếu rồi tịch diệt, hưởng thọ 75 tuổi<sup>6</sup>.

Văn bản giới thiệu trong chùa An Long không nhắc đến việc Sư Cố bị quan trên tình nghi là gian đạo sĩ. Tuy nhiên, một câu hỏi đặt ra là Sư Cố trước đây tu hành theo môn phái nào, vì sao quan Tổng trấn lại mời đăng đàn thuyết pháp rồi chỉ thị cho đi học giáo lý Phật pháp chính tông với Hòa thượng Tổ tại Cái Bè dù ông thuyết pháp rất lưu loát và được nhiều người mến mộ? Đáng chú ý hơn, Sư Cố và Phật Thầy Tây An có mối quan hệ gì, để khiến cho cách thức hành đạo và hóa độ chúng sinh của hai ông lại gần gũi nhau đến vậy. Nghi vấn này được tác giả Lê Thu Vân đặt ra trong bài viết *Văn hóa của người Việt vùng Cù lao Ông Chưởng nhìn từ truyền kể dân gian*: “Phật Thầy Tây An từng ghé thăm và đàm đạo với Sư Cố, Phật Thầy còn ký thác một bức tượng Phật A Di Đà cho nhà chùa, rất có thể từ lần gặp gỡ này, Phật Thầy Tây An đã gặp được một bậc chân tu và ái mộ sự tu hành trên nền tảng chính pháp cùng khả năng dùng thuật ngữ trị bệnh vô cùng mâu nhiệm của Sư Cố, từ đó Phật Thầy có cơ sở để tạo lập Bửu Sơn Kỳ Hương với tôn chỉ và phương pháp hành đạo cũng có nhiều nét tương tự, đặc biệt là cách dùng bùa thuật để chữa bệnh cứu người”<sup>7</sup>. Rõ ràng, có mối quan hệ mật thiết về mặt nguồn gốc tông phái tu hành giữa Sư Cố Hà Minh Nhựt với ngài Đoàn Minh Huyền.

Một chi tiết rất quan trọng khác tiết lộ mối quan hệ giữa Sư Cổ với tổ chức Thiên Địa Hội và triều đình nhà Nguyễn là việc sắc phong và ban gươm trừ tà. Cũng giống như trường hợp ngài Tô Quang Xuân phía trên, triều đình Thiệu Trị, Tự Đức có vẻ rất quan tâm đến các ông đạo Nam Bộ này. Việc triều đình gia ân ban sắc để công nhận vị thế tôn giáo của các ông đạo dường như lưu lại trong ký ức dân gian rất sâu sắc. Hơn nữa, liệu có mối liên hệ nào giữa Sư Cổ với Thiên Địa Hội, chùa An Long với phong trào Cần Vương sau này hay không? “Gươm báu” trong trường hợp này có ý nghĩa tượng trưng gì? Vì sao Pháp lùng bắt những người tham gia phong trào chống đối của Thiên Địa Hội lại tìm đến chùa Sư Cổ? Những vấn đề quan trọng này cần được giải đáp để làm sáng tỏ những uẩn khúc lâu nay đang bao trùm lấy một nhân vật được người dân cù lao Ông Chưởng lưu truyền qua nhiều thế hệ.

### **2.3. Phật Thầy Tây An Đoàn Minh Huyền (Đông Tháp, An Giang)**

Liên quan đến hành trạng của ngài Đoàn Minh Huyền (1807-1856), tư liệu hiện nay khá phong phú, nghĩa là có nhiều người đề cập tới, nhưng điều đó không có nghĩa là mọi thứ về cuộc đời ngài đều sáng tỏ. Ngoài truyền khẩu dân gian và nhiều sách giảng tương truyền do các đồ đệ ghi chép lời thầy, các tài liệu nghiên cứu quan trọng, như: *Đức Phật Thầy Tây An* của Vương Kim và Đào Hưng, *Sa Đéc xưa và nay* của Huỳnh Minh, *Sấm truyền đức Phật Thầy Tây An* của Nguyễn Văn Hậu và Nguyễn Hữu Hiệp... đều có những ghi chép khá giống nhau về Đoàn Minh Huyền. Chúng tôi dựa vào khảo cứu của tác giả Nguyễn Văn Hậu để lược thuật về hành trạng cuộc đời ngài như sau:

Ngài Đoàn Minh Huyền sinh năm 1807 (năm Gia Long thứ 6) tại làng Tòng Sơn, trấn Vĩnh Thanh (nay thuộc Lấp Vò, Đông Tháp). Tuổi thơ đến lúc rời quê quán lên núi tu hành không thấy tư liệu nào ghi chép, từ năm 1844 ngài vân du qua Gò Công, Mỏ Cày, Bến Tre, Cần Chông, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Rạch Giá, Thất Sơn rồi trở về Tòng Sơn năm Kỷ Dậu (1849), khi dịch bệnh đang hoành hành đáng sợ ở nhiều nơi của trấn Vĩnh Thanh. Sống nương tựa tại đình làng Tòng Sơn, ngài *giả ngậy giả dại, khi hư khi thực, nói chuyện úp mở* khiến nhiều người hiếu kỳ. Sau dịch bệnh lan rộng, người ta đến nhờ ngài *ra tay chữa trị*. Ngài dùng “cây thẻ Năm Ông” (cây cò

ngũ sắc), bùa chú, nước lã, tro nhang, giấy vàng... điều trị, ấy vậy mà rất công hiệu, tiếng đồn lan xa, bệnh nhân theo về càng đông. Ngày rao giảng giáo lý trong *quyển sách giảng mang theo người, dạy thờ trần điều, kính thờ Năm Ông*, học Phật tu nhân, *phát phái thu nhận tín đồ*, bắt đầu sáng lập giáo phái Bửu Sơn Kỳ Hương. Có người ghét ganh *tố cáo ngài là gian đạo sĩ*, tụ tập dân chúng khởi loạn, Tổng đốc An Giang ra lệnh bắt ngài về Châu Đốc câu lưu. Qua nhiều thử thách, thấy ngài là bậc chân tu huyền diệu, hùng biện trôi chảy, *chính quyền bèn đưa ngài đến an trí tại chùa Tây An* do Tổng đốc Doãn Uẩn cho xây năm 1847, thế phát quy y với Thiền sư Hải Tịnh. Dù vậy, ngài vẫn tới lui hướng dẫn tín đồ khẩn hoang lập ruộng mở làng, cấp phát phù trì bệnh, tín đồ quy tụ càng đông. Ngài viên tịch tại chùa Tây An năm 1856, thọ 50 tuổi<sup>8</sup>.

Giải thích lý do ngài Đoàn Minh Huyền bị chính quyền nghi kỵ là gian đạo sĩ, Nguyễn Văn Hầu cho rằng vì An Giang là xứ biên thùy hiểm yếu, dân cư phức tạp, mê tín dầy dặc, phù thủy đồng bóng khắp nơi, giặc giã thường hay nhiễu nhương, sự sai bị kích động từng xung vương khởi loạn nhiều chỗ, khiến triều đình Thiệu Trị đau đầu đối phó, không thể không cảnh giác. Đó là nguyên nhân gián tiếp, còn nguyên nhân trực tiếp là do bọn lang băm phù thủy địa phương chỉ trích cách chữa bệnh, truyền giáo và hành giáo của ngài, nên đã ác ý tố giác với quan trên. Cụ thể là ngài chữa bệnh không dùng thuốc, tu hành mà vẫn búi tóc để râu, không tụng kinh gõ mõ mà chỉ lâm râm mặc niệm, không thờ tượng cốt mà chỉ thờ trần điều, không cúng chè xôi mà chỉ dùng hoa tươi nước lã... Những điều khác xa so với truyền thống trước đó<sup>9</sup>. Đó là những phỏng đoán của Nguyễn Văn Hầu, còn chúng tôi cho rằng nguyên nhân chính có lẽ là việc tập hợp tín đồ và truyền bá giáo thuyết của ngài chứa những yếu tố chính trị đặc biệt, khiến triều đình không thể yên tâm tin tưởng đây là một giáo đoàn thuần túy lo việc tu hành.

Ngoài ra, trong dân gian cũng lưu truyền nhiều truyền thuyết về mối quan hệ giữa ngài với ông đạo Kiến và Sư Cố Hà Minh Nhựt. Ngài nhiều lần tới lui cốc ông đạo Kiến (nay là Tây An Cổ Tự, cù lao Ông Chưởng, Chợ Mới, An Giang), đến năm 1849 bắt đầu phát bùa trị bệnh và sáng lập đạo Bửu Sơn Kỳ Hương tại đây. Ông đạo Kiến là ai?

Tu hành thế nào? Quan hệ với ngài Đoàn Minh Huyền ra sao? đến nay vẫn chưa ai biết tường tận. Ngày 12/8/2018, chúng tôi tiến hành đi tìm đã tại ngôi chùa này phát hiện nơi hậu liêu có một bài vị cổ ghi dòng chữ Hán “Phụng thỉnh Sư Cố Lê Văn Kiến tọa vị”, và bước đầu xác định đây là bài vị ông đạo Kiến, ngoài ra không còn thông tin gì khác. Đáng chú ý là ông đạo Kiến cũng được tín đồ gọi là “Sư Cố” giống như ngài Hà Minh Nhựt.

#### **2.4. Đức Bổn Sư Ngô Lợi (Núi Tượng, Tri Tôn, An Giang)**

Ông Ngô Lợi (1831-1890) là người sáng lập đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, một tôn giáo có mối quan hệ mật thiết với đạo Bửu Sơn Kỳ Hương của Đoàn Minh Huyền. Hai tôn giáo này ban đầu luôn bị triều đình nhà Nguyễn và chính quyền thực dân Pháp xem là tổ chức hoạt động tôn giáo - chính trị của các “gian đạo sĩ” để mưu đồ soán ngôi vua, đánh đổ ách thống trị của người Pháp tại Nam Bộ.

Trong số các ông đạo ở Nam Bộ ở thế kỷ 19, Đức Bổn Sư Ngô Lợi là người còn được lưu lại nhiều tư liệu sách vở nhất, đặc biệt là 3 quyển *Ngọc lịch đồ thơ tập chú* ghi chép về quá trình cất chùa và khai hoang lập làng tại vùng Núi Tượng, một số kinh điển chữ Hán do ông và đệ tử viết, cùng nhiều truyền thuyết về hành trạng cuộc đời mà tín đồ trong đạo thường kể cho nhau nghe. Ông cũng là người trực tiếp tham gia lãnh đạo các phong trào vũ trang chống Pháp, ủng hộ nhiệt tình cho nhiều chí sĩ yêu nước đấu tranh, chịu nhiều lần “pháp nạn” khi thực dân Pháp kéo quân vào Núi Tượng đàn áp, đốt phá chùa chiền.

Hà Tân Dân trong quyển *Hệ phái Tứ Ân Hiếu Nghĩa* có giới thiệu tổng quát về thân thế cuộc đời ông. Ngô Lợi được mô tả sinh tại Mỏ Cày (Bến Tre) trong một gia đình làm nghề thợ mộc. Cha mất sớm, mẹ ở góa nuôi ông đến lúc trưởng thành. Năm 20 tuổi (1851), ông sáng tác *Bà La Ni kinh*, một quyển kinh ca ngợi đức hạnh và uy lực của Bồ Tát Quán Âm. Năm 1867, ông đi thiếp 7 ngày đêm rời tỉnh dậy, chứng đắc đạo quả, dạy đời hành đạo, phát phái quy y cho thiện tín. Sau đó, ông đi khắp nơi truyền đạo, rồi cho tín đồ vào Núi Tượng khai hoang (trảm thảo khai sơn), xây dựng chùa miếu, quy tụ tín đồ lẫn nghĩa sĩ khắp Nam Kỳ. Sau đó, mật thám Pháp theo dõi nghiêm ngặt, phát hiện các hoạt động chính trị bí mật theo hình thức Thiên Địa Hội

giữa Núi Tượng với tổ chức ở Sài Gòn và Campuchia, nên người Pháp đã 7 lần đưa quân ruồng bỏ giải tán và đốt phá chùa chiền. Theo mô tả, nhờ tài trí hơn người và tài biến hóa kỳ diệu, ông đều may mắn thoát khỏi, rồi sang Campuchia lánh nạn, đợi tình hình im ắng trở về Núi Tượng chỉ đạo tín đồ tái thiết lại cơ sở chùa miếu<sup>10</sup>.

Trong mắt nhà cầm quyền Pháp, ông Ngô Lợi cũng được xếp vào hàng “gian đạo sĩ” vì các hoạt động hộ quốc an dân, mưu đồ khởi nghĩa chống thực dân xâm lược.

### **2.5. Đức Phật Trùm Tà Ponl (Luong Phi, Tri Tôn, An Giang)**

Tà Ponl (?-1875) là một đạo sĩ gốc Khmer, người ấp Xà Lôn, xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Ông được tín đồ trong phủ hệ Bửu Sơn Kỳ Hương ở Nam Bộ tin tưởng là “hậu thân của Phật Thầy Tây An, được tôn xưng là đức Phật Trùm, tương ứng với chữ Hương trong “tứ bửu linh tự”. Những người quan tâm đến tài chữa bệnh bằng bùa phép của ông gọi ông là Đạo Đền, còn trong sách *Ngọc lịch đồ thơ tập chú* của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa có chép tên tiếng Việt của ông là Trần Hữu Lễ.

Dật Sĩ và Nguyễn Văn Hầu trong quyển *Thất Sơn mâu nhiệm* có giới thiệu về hành trạng cuộc đời ông như sau: Năm 1868, dịch bệnh lan tràn vùng quê ông; ông mắc bệnh chết; hôm sau chưa kịp hỏa thiêu thì ông sống dậy nói toàn tiếng Việt, tự xưng là Trời Phật phái xuống cứu bệnh độ đời, rồi thuyết giảng giáo pháp hư hư thực thực. Nhờ tài chữa bệnh bằng phù chú rất kỳ diệu, nên tiếng đồn vang dậy khắp nơi, nhiều người nghe tiếng đến lãnh bùa của ông đem về trị bệnh. Sau đó, ông cũng phát phái thu nhận tín đồ, tiếp nối nguồn mạch Bửu Sơn Kỳ Hương, truyền bá giáo lý học Phật tu nhân và rao giảng thuyết Hội Long Hoa. Khoảng năm 1870, mật thám báo về chính quyền thực dân rằng ông là “gian đạo sĩ”, mượn việc chữa bệnh để kêu gọi nhân dân khởi loạn chống chính quyền. Nhà cầm quyền Pháp đưa quân đến bắt ông cầm tù, thử thách hành hạ đủ kiểu nhưng ông vẫn ung dung tự tại không hề hấn gì, sau đó chính quyền trả tự do cho ông. Ông trở về Xà Lôn tiếp tục độ bệnh cứu người, khuyên đời tu tịnh, định kỳ đến trình diện với chính quyền. Thời gian đó, ông vẫn thường lên vùng Thất Sơn gặp gỡ, đàm đạo với các bậc dị nhân. Trước đó, ông cũng đã

nhiều lần băng rừng vượt suối lên tận núi Tà Lon tu luyện với các đạo sĩ nơi đây. Năm 1875, ông an nhiên tịch diệt và lưu lại cho đời một quyển sách giảng khuyên đời tu niệm và tiên đoán thời cơ<sup>11</sup>.

Cũng như các ông đạo trên, xoay quanh quá trình hành đạo của ông Tà Ponl là rất nhiều truyền thuyết được thêu dệt bởi tín đồ về tài năng và phép thuật cứu đời của ông. Ông hành đạo trong thời kỳ phong trào kháng Pháp của Nguyễn Trung Trực ở Kiên Giang, Trần Văn Thành ở Bảy Thưa - Láng Linh, Ngô Lợi ở Ba Chúc đang liên kết mật thiết và dâng trào mạnh mẽ<sup>12</sup>. Có thuyết cho rằng sau khi xuống núi, ông đã truyền đạo và chiêu mộ nhiều nghĩa sĩ người Khmer hậu thuẫn cho phong trào kháng Pháp của Trần Văn Thành, trở thành thủ lĩnh của một cánh quân người Khmer trong phong trào của hội kín hoạt động chống Pháp.

### ***2.6. Đức Quán Cơ Trần Văn Thành (Châu Phú, An Giang)***

Trần Văn Thành (?-1873) được tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương và Phật Giáo Hòa Hảo tôn kính ở ba phương diện chính: (1) Ông là một trong 12 đại đồ đệ của Phật Thầy Tây An, có nhiều đóng góp cho hoạt động khai sáng và mở mang nền đạo từ những ngày đầu thành lập; (2) Là nhà doanh điền có công mở mang vùng đất Láng Linh (Châu Phú, An Giang), cải tạo đất đai, tạo lập trại ruộng, xây dựng xóm làng cho tín đồ tập trung cày cấy tu hành; (3) Là anh hùng dân tộc có tinh thần yêu nước thương nòi, lãnh tụ phong trào khởi nghĩa Bảy Thưa (Láng Linh) chống thực dân Pháp xâm lược.

Là một người con Phú Tân (An Giang), Trần Văn Thành sớm gia nhập quân đội triều Nguyễn dưới thời Thiệu Trị, lập được nhiều công lao chống ngoại xâm và nội loạn nên được thăng làm Chánh Quản cơ. Sau đó ông được giải ngũ và gia nhập giáo phái Bửu Sơn Kỳ Hương, ra sức cấm thê dập dịch, mở mang căn cứ, tăng cường sức mạnh nền đạo. Sau khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, chiếm 3 tỉnh Nam Kỳ, ông hưởng ứng lời kêu gọi của Tự Đức đầu quân đuổi giặc. Do những thất bại trong việc cản trở quân Pháp và ủng hộ phong trào khởi nghĩa của các chí sĩ, ông dẫn tín đồ vào Láng Linh xây dựng căn cứ chống Pháp, đặt tên đội quân của mình là Binh Gia Nghị. Cùng với sự thất bại lần lượt của phong trào kháng Pháp ở các nơi, ông đã chỉ huy tín đồ bền bỉ đối đầu với quân giặc đến những giây phút cuối cùng.

Xác định rõ Bửu Sơn Kỳ Hương là một tôn giáo hoạt động chống nhà cầm quyền, ngày 22/4/1873, Đô đốc Dupré ban hành một nghị định nghiêm cấm dân chúng theo đạo Lành (tức Bửu Sơn Kỳ Hương) vì đạo này xúi giục dân chúng đi lạc đường ngay nẻo chính. Nghị định còn nói rõ những người đi truyền giảng đạo này cũng như tín đồ của đạo sẽ bị xử như luật đảng cựu, bị xem là gian đạo sĩ, là phiến loạn<sup>13</sup>. Chính hoạt động hộ quốc ngoan cường của tín đồ đạo Bửu Sơn Kỳ Hương đã khiến thực dân Pháp luôn cử mật thám theo dõi, đưa quân đàn áp khốc liệt.

Trên đây chúng tôi đã trình bày các ông đạo Nam Bộ tiêu biểu ở thế kỷ 19 từng bị chính quyền tình nghi là “gian đạo sĩ”. Trong nửa đầu thế kỷ 20 cũng xuất hiện nhiều ông đạo khác tích cực hoạt động chống Pháp, có hành trạng khá giống các ông đạo nêu trên và ít nhiều có mối quan hệ về mặt đạo pháp tu hành với các giáo phái đời trước. Như trường hợp ông đạo Tường ở Tân Châu, là người giỏi võ nghệ, bùa ngải, thờ cúng Quan Công và Ngũ Công Vương Phật, lãnh đạo tín đồ nổi dậy chống Pháp năm 1939. Hoặc nửa sau thế kỷ 20 có ông đạo Dừa Nguyễn Thành Nam, người sau khi du học ở Pháp về đã có nhiều năm lên vùng Thất Sơn tu luyện huyền thuật, cũng rao giảng niềm tin về tận thế và Hội Long Hoa. Trong quá trình lan truyền đức tin đó, núi Tà Lơn và dãy Thất Sơn đóng vai trò quan trọng như những trung tâm tu luyện huyền thuật của giới đạo sĩ. Hầu như các ông đạo ở Nam Bộ đều trải qua quá trình tu hành ở đây trước khi xuống thế trị bệnh, dập dịch hoặc rao giảng khuyên đời tu niệm.

### **3. Sự tương đồng giữa các hiện tượng “gian đạo sĩ” với tín ngưỡng Ngũ Công Vương Phật**

Một điểm đáng lưu ý là hầu như các vị đạo sĩ trên đều tin tưởng và sùng bái Ngũ Công Vương Phật (Năm Ông, Năm Ông Phật Vương) - một loại tín ngưỡng có nguồn gốc từ khu vực Hoa Nam (Trung Quốc) du nhập vào Việt Nam đầu thế kỷ 19. Tín ngưỡng này thờ cúng 5 vị Phật là Đường Công Vương Phật, Lãng Công Vương Phật, Hóa Công Vương Phật, Bửu Công Vương Phật, Chí Công Vương Phật, cùng các vị Phật và Bồ Tát quen thuộc khác. Bộ kinh chủ yếu của tín ngưỡng này là *Kinh Ngũ Công*, “chứa đựng niềm tin về hạ ngục mặt kiếp,

Minh Vương xuất thế, Dân Mão sự biến, thiên địa tái tạo, thiên hạ đại loạn, Ngũ Công cứu thế, Di Lạc ra đời”<sup>14</sup>.

Bao trùm nội dung bộ kinh là những mô tả về cảnh đời loạn lạc, bệnh dịch hoành hành, nhân tâm điên đảo, lòng người bạc ác; sau một trận binh đao thê thảm, nước dâng lửa cháy, kẻ ác bị tiêu diệt, người thiện được cứu sống, sẽ có vị Minh Vương xuất thế thu dọn tàn cuộc, dùng Phật pháp giáo hóa hiền nhân tu thành chính quả. Rõ ràng, luận điệu đó mang hàm ý phê phán chính quyền đương cuộc, hứa hẹn một cuộc “canh triều hoán đại”, tiên đoán vua mới ra đời, để khiến lòng người chán nản thời cuộc, trông chờ và ủng hộ cho triều đại mới. Chính vì hàm ý chính trị đó mà nhiều đời vua thời Tống, Nguyên, Minh, Thanh cấm lưu hành bộ kinh này, luôn đặt các tu sĩ đứng đầu vào tầm ngắm quản thúc, thậm chí xem là “gian đạo sĩ” và tìm cách đàn áp, tiêu trừ. Cuối đời Thanh, các giáo phái mang tín ngưỡng Ngũ Công lại nổi dậy mạnh mẽ, uy hiếp chính quyền Mãn Thanh, sau bị triều đình truy kích quyết liệt phải tìm cách đào tẩu sang các nước Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam.

Tín ngưỡng này du nhập vào Nam Bộ nửa đầu thế kỷ 19. Trường hợp sớm nhất tiếp nhận tín ngưỡng này được biết đến hiện nay là ngài Tô Quang Xuân tại chùa Phật Tổ (Cà Mau). Tư liệu điền dã cho thấy chùa này từng sùng bái Ngũ Công Vương Phật, thờ cúng đa dạng các thần linh của Tam giáo chứ không thuần túy là chùa Phật như hiện nay. Trong chính điện, chùa vẫn còn lưu giữ khán thờ có ghi dòng chữ Hán Ngũ Công Vương Phật (五公王佛) với một bài vị cổ bằng gỗ có dòng chữ Nam Mô Ngũ Công Dương Phật (南無五公陽佛)<sup>15</sup>, đáng chú ý là trong chùa còn thờ bộ tượng cổ Ngũ Công Vương Phật bằng gỗ, sơn năm màu khác nhau, tiếc là hiện nay chỉ thấy còn 3 tượng, do người đời sau không rõ nên tách lẻ ra thờ ở các bàn thờ<sup>16</sup>. Ngoài ra, chùa còn thờ Ngọc Hoàng Thượng Đế và có treo cặp liễn đối cổ chữ Hán: “Sắc khuông nhượng, cần miễn lệ, động cù lao, quân sư phụ nhất ban kiệt lực; Chí trung thứ, niệm từ bi, tư cảm ứng, Nho Thích Đạo tam giáo đồng tâm” (勅動勦勤勉勵動劬勞君師父一勸竭力, 志忠恕念慈悲思感應儒釋道三教同心), cho thấy tinh thần dung hòa Tam giáo của các tôn giáo dân gian trong hình thái tín ngưỡng tại chùa thời kỳ đầu.

Dù trong chùa hiện nay không còn thấy thờ trần điều, các gian thờ đều được sơn nền xanh, nhưng vẫn còn thấy một bao lơn cổ được điêu khắc trang trí tinh xảo công phu, trên có dòng chữ Hán: “Đình Sứ niên tứ nguyệt sơ tứ nhật thượng lương” (丁丑年四月初四日上樑, thượng lương ngày 4 tháng 4 năm Đinh Sửu, 1877). Chi tiết nhỏ liên quan đến nghi thức thượng lương này khá giá trị, đây cũng là một nghi thức thường thấy trong quá trình xây dựng các chùa của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Tất cả những thông tin trên cũng rất xác hợp với chi tiết ngài Tô Quang Xuân vào rừng đốn củi bắt gặp quyền kinh Năm Ông. Điều này cho thấy giáo pháp tu hành của ông có màu sắc tín ngưỡng Ngũ Công Vương Phật.

Tín ngưỡng này cũng được thể hiện khá đậm đà trong đường lối tu hành của Đoàn Minh Huyền và Ngô Lợi, những người sáng lập đạo Bửu Sơn Kỳ Hương và Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Giáo thuyết của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương được xây dựng trên nền tảng tín ngưỡng Ngũ Công Vương Phật, từ hệ thống kinh điển, phương thức tu hành, nghi thức bùa chú, thờ cúng Năm Ông Thế... đều cho thấy tinh thần dung nhập tư tưởng trong *Kinh Ngũ Công*<sup>17</sup>. Còn trong đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, cũng không quá khó để thấy dấu vết của tín ngưỡng Ngũ Công Vương Phật. Trong hệ thống kinh điển của tôn giáo này, có nhiều quyển kinh chữ Hán mang đậm màu sắc tín ngưỡng Ngũ Công, như: *Ngũ Công thiên đồ kinh*, *Ngũ Công cứu kiếp kinh*, *Ngũ Công bát nhã kinh*, *Ngũ Công Quan Âm kinh*... Ngoài ra, trong phương thức thờ tự tại chùa miếu hoặc cư sĩ tại gia, cũng đều thấy niềm tin và sự thực hành giáo lý Ngũ Công.

Vậy đâu là nguyên nhân chính khiến triều đình Thiệu Trị, Tự Đức và cả chính quyền thực dân Pháp sau này luôn xem các ông đạo là “gian đạo sĩ” và tìm cách quản thúc, cách ly với tín đồ, hạn chế hoạt động tín ngưỡng, thậm chí còn giải tán, đàn áp, đốt phá? Chúng tôi cho rằng, nguyên nhân chính là do giáo thuyết các ông hành trì và rao giảng mang những niềm tin về thiên hạ đại loạn, thiên địa tái tạo, Minh Vương xuất thế, thời mạt pháp, Hội Long Hoa gần kề... Những tín điều đó trực tiếp uy hiếp đến quyền lực thống trị của chính quyền đương cuộc, nhất là khi lực lượng tín chúng theo về ngày một đông đảo. Càng về sau, có thể các ông đạo trực tiếp đấu tranh vũ trang

chống Pháp một cách có tổ chức, mạnh mẽ và gay gắt hơn để khôi phục chế độ quân chủ, nên đã bị người Pháp tấn công trực diện, ruộng bô, đàn áp thẳng tay hơn.

#### **4. Tương đồng về hành trạng cuộc đời các ông đạo**

Khảo sát các truyền thuyết dân gian và trong nhiều nguồn tư liệu thành văn khác nhau, chúng tôi nhận thấy nhiều nét tương đồng về hành trạng cuộc đời của các ông đạo. Hầu hết các ông xuất thân bản hàn, cuộc sống vất vả gian lao, nhiều người không rõ gốc tích. Sau đó, tiếp nhận Phật pháp qua tín ngưỡng Ngũ Công Vương Phật, tích cực tu hành theo đường lối nhập thế khác lạ, tu tại nhà hoặc chùa miếu, để nguyên râu tóc không cạo, không ăn chay trường hay tụng kinh gõ mõ (riêng đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa có tụng kinh gõ mõ), tuân thủ luân lý đạo đức Nho giáo, tu luyện nội đan theo Đạo giáo, hành trì ẩn chú theo kiểu Mật giáo. Sau một vài năm tu trì, các ông đạo đạt được sự chứng ngộ nhất định, có năng lực phù chú huyền linh, có khả năng trị bệnh cứu người, thuyết pháp độ chúng, tiên tri dự đoán thời cuộc. Chính những điều này tạo nên sức thu hút mãnh liệt nơi các ông đạo, khiến đông đảo tín chúng một lòng tin tưởng tu theo.

Sau đó, hầu hết các ông đạo đều bị chính quyền nghi ngờ, thử thách, bắt giữ, gây trở ngại cho quá trình tu hành và độ chúng. Trường hợp ông Tô Quang Xuân, Hà Minh Nhựt, Đoàn Minh Huyền đều diễn ra tương tự. Đầu tiên, triều đình cho mật thám theo dõi, phát hiện các ông trị bệnh bằng bùa phép và chú ngữ, rao giảng một giáo thuyết ủng hộ cho sự canh triều hoán đại, mưu toan phản nghịch, không thuần túy tu hành theo pháp Phật, nên bắt giam về tra khảo, thử thách; sau đó nhận ra các ông tu hành chân chính nên thả về, hoặc cho tu học thêm chính pháp của nhà Phật.

Đó là cách hành xử dưới các đời vua Nguyễn. Còn dưới ách thống trị của Pháp thì xung đột giữa các ông Đạo và chính quyền thực dân diễn ra gay gắt hơn, theo kiểu một mất một còn, không khoan nhượng, như trường hợp: Ngô Lợi, Trần Văn Thành, Tà Ponl... Đường như đã có một sự chuyển hóa về bản chất hành đạo của các ông đạo từ chỗ chỉ rao giảng giáo thuyết tận thế, Hội Long Hoa, Minh Vương xuất thế đến chỗ hưởng ứng phong trào Cần Vương,

đấu tranh vũ trang chống Pháp xâm lược. Cũng vì thế mà cũng có sự thay đổi trong cách hành xử của chính quyền đối với phong trào các ông đạo ở Nam Bộ.

Về cách xưng hô, các vị này đều được chúng đồ đệ tôn xưng lên hàng Phật sống, như: Tô Quang Xuân được gọi là Đức Phật Tô Sư, Đoàn Minh Huyền được gọi là Phật Thầy Tây An (Đoàn Phật Sư), Ngô Lợi được tôn xưng là Đức Bổn Sư, Tà Pol được gọi là Đức Phật Trùm,... Điều này cho thấy sự tôn kính, tin tưởng tuyệt đối của tín đồ về huyền năng và đạo hạnh của các ông đạo. Cũng chính vì vậy mà cho đến nay, họ còn tin tưởng một cách trọn vẹn rằng, thầy tổ không phải chết đi, mà chỉ tạm thời vắng bóng, chờ ngày “đời tới” thì thầy tổ sẽ trở lại cứu vớt người tu hành.

### **5. Từ chuẩn hóa tín ngưỡng đến trung dụng nghĩa sĩ kháng Pháp**

Trước tình hình phong trào các ông đạo đang hình thành và lan rộng ở Nam Bộ, triều đình nhà Nguyễn đã hành xử như thế nào? Truyện kể về hành trạng các ông đạo đã tiết lộ nhiều thông tin thú vị, cho thấy dường như triều đình đã không chấp nhận đường lối tu hành vốn có, mà thúc đẩy chuẩn hóa hoạt động tín ngưỡng của các ông đạo. Như trường hợp Tô Quang Xuân bị bắt, giải về an trí, cho tu học tại một ngôi chùa thuộc dòng Lâm Tế chính thống là chùa Kim Chương ở Gia Định, quan lại địa phương còn dâng sớ về triều đình cho vua sắc phong hòa thượng. Sau đó, ông trở thành hòa thượng dòng Lâm Tế chính tông đời thứ 37, pháp danh Trí Tâm. Hay trường hợp Sư Cổ Hà Minh Nhựt bị quan Tổng trấn An Giang (Vĩnh Thanh) mời thuyết pháp để thử thách, sau đó chỉ thị ngài đến Cái Bè học giáo lý bài bản với Hòa thượng Tổ, còn xin triều đình sắc phong hòa thượng. Trên tháp mộ của ông tại An Long Cổ Tự có ghi ông là tổ đời thứ 38 của dòng thiền Lâm Tế chính tông. Tương tự như vậy, Đoàn Minh Huyền cũng bị Tổng đốc An Giang bắt về Châu Đốc, sau khi thử thách đã đưa ông đến tu học tại chùa Tây An với một đại sư dòng Lâm Tế là Thiền sư Hải Tịnh. Bia mộ phía sau chùa có ghi pháp danh của ông là Pháp Tạng, đạo hiệu Minh Huyền, đệ tử thứ 38 dòng Lâm Tế truyền tại ngôi chùa này.

Rõ ràng, chính quyền đã cách ly các ông đạo ra khỏi ngôi chùa và tín đồ vốn có của mình, nhằm làm suy yếu sức mạnh hiệu triệu của các ông đạo. Đồng thời, đưa đến tu học với các bậc đại sư tại những ngôi chùa Lâm Tế chính thống đương thời. Đây không chỉ là cách quản thúc đường lối tu hành của các ông đạo, mà còn là cách uốn nắn niềm tin tín ngưỡng hướng về chuẩn mực giáo pháp nhà Phật theo quan niệm của chính quyền. Đáng chú ý hơn, dường như nhiều ông đạo cũng được triều đình sắc phong hòa thượng, được đứng vào hàng tăng thống theo sổ bộ quản lý của giáo hội đương thời. Kết quả của quá trình chuẩn hóa đó dường như đã diễn ra theo hai hướng, có ông đạo mang dòng Lâm Tế về ngôi chùa vốn có của mình như ông Hà Minh Nhựt, có ông dù bị quản thúc trong chùa chính thống vẫn cố gắng giữ vai trò lãnh đạo việc mở đất dựng chùa của tín đồ như Đoàn Minh Huyền. Dù vậy, có vẻ các ông đạo vẫn giữ mối liên hệ nhất định với các phong trào hội kín, như tổ chức Thiên Địa Hội, đang hoạt động đương thời.

Từ khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, nhất là khi quyền lực cai trị dân rơi vào tay người Pháp, đã có sự thay đổi cách tiếp cận của triều đình nhà Nguyễn đối với các ông đạo nói riêng, các tôn giáo dân gian Nam Bộ nói chung. Quá trình chuyển biến này diễn ra trong khoảng thập niên 60 - 70 của thế kỷ 19. Theo Trần Hoàng Vũ, “bốn năm sau khi Đoàn Minh Huyền viên tịch (1860), khâm phái của triều Nguyễn là Hoàng Văn Tuyền đã tâu về triều đình việc *trong các tỉnh Long Tường, An Giang, nhân dân bị mê hoặc vì thuyết họa phước của sơn tăng, từ các tháng 11 tháng 12 bỏ nhà cửa đưa gia quyến đến ở sinh sống tại xứ tục danh là Láng Cháy thuộc phủ hạt Tịnh Biên, già trẻ trai gái có đến số ngàn*”<sup>18</sup>. Sau khi thực dân Pháp chiếm trọn Nam Kỳ năm 1867, phong trào đấu tranh cứu nước của sĩ phu cả nước dâng cao, trong đó có các chí sĩ yêu nước được chỉ huy bởi các ông đạo ở Nam Bộ. Cũng theo Trần Hoàng Vũ, “tờ tâu đề ngày 26 tháng Giêng năm Tự Đức 26 (1873) của các đại biểu kháng chiến 5 tỉnh Nam Kỳ dâng lên vua Tự Đức trình bày về lực lượng chống Pháp ở Nam Kỳ, đề nghị triều đình cử người về Nam Kỳ chiêu tập lực lượng. Tài liệu còn kể ra danh sách các thủ lĩnh nghĩa quân ở Bảy Núi, trong đó người thứ 33 là *thiền sư (hiệu đạo Lành) Trần Văn Thành*”<sup>19</sup>.

Nếu nhìn lại cuộc vận động Cần Vương diễn ra ở Nam Bộ thì chúng ta hoàn toàn có thể khẳng định những suy luận phía trên là rất có căn cứ. Phong trào này được các ông đạo thế hệ sau và các hội kín hưởng ứng nhiệt liệt. Tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa đến nay vẫn truyền tai nhau niềm tin về việc vua Hàm Nghi đã không bị Pháp lưu đày sang Algérie, mà đến Thất Sơn chỉ đạo phong trào kháng Pháp, rồi sang núi Tà Lơn ẩn trú và qua đời tại đây. Rồi sau này có thêm Phan Xích Long (Phan Phát Sanh), tự xưng là Đông cung Thái tử con vua Hàm Nghi, từ căn cứ Tà Lơn và Thất Sơn trực tiếp lãnh đạo phong trào hội kín. Trong chùa của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa và cả Phật giáo Hòa Hảo luôn có bàn thờ Trăm Quan Cự Thần, tức những vị quan cũ của triều đình có tinh thần yêu nước, và thậm chí tham gia vào phong trào kháng Pháp của các tôn giáo dân gian, các hội kín.

### **Kết luận**

Hiện tượng các ông đạo ở Nam Bộ, như Phan An nhận xét là một “hiện tượng tôn giáo lý thú ở Nam Bộ” mà hầu như không thấy ở Bắc và Trung Bộ đương thời. Vấn đề này đã được giới nghiên cứu Nam Bộ học, như: Sơn Nam, Tạ Chí Đại Trường, Phạm Bích Hợp, Ngô Văn Lê, Phan Lạc Tuyên, Phan An, Đinh Văn Hạnh, Trần Hồng Liên, Nguyễn Ngọc Thơ, v.v... quan tâm nghiên cứu. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều góc khuất cần tiếp tục soi rọi tìm hiểu.

Trong một loạt các ông đạo với hành tung bí ẩn, như: Đạo Khùng, Đạo Đền, Đạo Chợ, Đạo Gò Mối, Đạo Đọt, Đạo Năm, Đạo Dừa, v.v... ở Nam Bộ, chỉ một bộ phận các ông đạo bị mệnh danh là “gian đạo sĩ”. Đây là cách chính quyền phong kiến lẫn thực dân gọi các ông đạo chuyên rao giảng về thuyết tận thế và Hội Long Hoa, gián tiếp hoặc trực tiếp tham gia các hội kín, kêu gọi canh triều hoán đại, hoặc phản Pháp phục Nam.

Do nhu cầu hành đạo và hoạt động bí mật, nên việc giấu diếm thân thế và hành trạng, thay tên đổi họ, hành tung thoát ẩn thoát hiện của các ông đạo là chuyện hiển nhiên dễ hiểu. Chính điều đó khiến cho những hình dung của người đời sau về các ông đạo thường không chính xác, nhất là khi diện mạo thật của các ông được bao phủ bởi huyền thoại. Nhà Nguyễn từ thời Thiệu Trị đến hết thế kỷ 19 dường

như đã nhận ra mối quan hệ mật thiết giữa các ông đạo Nam Bộ với phong trào đấu tranh vũ trang của các tôn giáo dân gian và hội kín ở Hoa Nam. Ở phương diện chống thực dân xâm lược, các ông đạo là những người yêu nước, có lý tưởng về một cuộc đời thái bình thịnh thế, và trên thực tế đã dâng hiến cuộc đời mình cho lý tưởng đó. /.

#### CHÚ THÍCH:

- 1 Nội dung câu sấm “Tứ bửu linh tự”:  
Chữ Bửu là hiệu Phật Vương  
Chữ Sơn Phật Thầy tin tưởng phước dư  
Chữ Kỳ là hiệu Bốn Sư  
Chữ Hương Phật Trùm bốn chữ phải mang.  
Hiện nay, các tín đồ đều biết rõ Phật Thầy chỉ ngài Đoàn Minh Huyền (Phật Thầy Tây An) sáng lập Bửu Sơn Kỳ Hương, Bốn Sư là ngài Ngô Lợi sáng lập Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Phật Trùm là ngài Tà Pôn ở Lương Phi, Tri Tôn. Riêng đức Phật Vương là ai hiện có nhiều ý kiến tranh luận chưa thống nhất. Tác giả Vĩnh Thông nghi vấn là Năm Ông Phật Vương (Ngũ Công Vương Phật), có tín đồ cho là Tô Quang Xuân, trong sách *Ngọc lịch đồ thơ tập chú* của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa ghi là Trần Liêm.
- 2 Nhiều thuyết cho rằng ông bị đưa về triều đình, bị an trí trong chùa Kim Chương của kinh thành Huế. Chúng tôi chưa có căn cứ xác định rõ chùa Kim Chương tọa lạc ở đâu. Tuy nhiên, thuyết này có vẻ không đáng tin cậy vì nếu ngài Tô Quang Xuân viên tịch ở Huế, thì khó thể nào đi quan từ kinh thành về an táng ở Cà Mau theo lệnh vua được, bởi với điều kiện giao thông thời đó, việc mang kim thân ngài từ Huế về đến Cà Mau mất rất nhiều thời gian.
- 3 Nghệ Văn Lương (1972), *Cà Mau xưa và Long Xuyên nay*, Trung tâm học liệu Bộ Giáo dục, Sài Gòn, tr. 154-158.
- 4 Tác giả dịch nghĩa dựa trên nguyên tác văn bản chữ Hán lưu giữ tại chùa.
- 5 Có lẽ người biên soạn nhầm lẫn, thời điểm này gọi là Trần Vĩnh Thanh.
- 6 Chúng tôi lược thuật dựa trên tư liệu giới thiệu tại chùa, ngày thu thập 13/8/2018.
- 7 Lê Thu Vân (2018), “Văn hóa của người Việt vùng Cù lao Ông Chưởng nhìn từ truyện kể dân gian”, in trong Võ Văn Thắng (chủ biên, 2018), *Triết lý nhân sinh của người dân Nam Bộ, Việt Nam (quyển 2)*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế tại Đại học An Giang, Nxb. Đại học Cần Thơ, tr. 185-191.
- 8 Nguyễn Văn Hầu (1973), *Sấm truyền đức Phật Thầy Tây An*, Ban quản tự Tông Sơn Cổ Tự, Ban Chấn tế Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo, tr. 28-48.
- 9 Nguyễn Văn Hầu (1973), *Sấm truyền đức Phật Thầy Tây An*, Ban Quản tự Tông Sơn Cổ Tự, Ban Chấn tế Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo, tr. 28-48.
- 10 Hà Tân Dân (1971), *Hệ phái Tứ Ân Hiếu Nghĩa*, Tủ sách sưu khảo sử liệu Phật giáo Bửu Sơn Kỳ Hương, Sài Gòn.
- 11 Dật Sĩ, Nguyễn Văn Hầu (1972), *Thất Sơn mâu nhiệm*, Nxb. Từ Tâm, Sài Gòn.
- 12 Nông Huyền Sơn (2013), *Sự thật về những viên ngọc Phật Trùm*. Nguồn An ninh thế giới. Đăng lại trên <https://www.24h.com.vn/tin-tuc-trong-ngay/su-that-ve-nhung-vien-ngoc-phat-trum-c46a530542.html>, truy cập ngày 16/02/2019.

- 13 Trần Hoàng Vũ (2011), “Vì sao gọi Bửu Sơn Kỳ Hương là đạo Lành?”, *Xưa và Nay*, số 385, tháng 8/2011.
- 14 Nguyễn Thanh Phong (2018), “Sự dung nạp tín ngưỡng Ngũ Công Vương Phật trong đạo Bửu Sơn Kỳ Hương”. *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 10 (178), tr. 110-130.
- 15 Chữ 陽 Dương trên bài vị bị khắc sai do đặc trưng phát âm của người Nam Bộ đọc từ Vương thành Dương.
- 16 Cụ thể, một tượng thờ ở bàn thờ Ngũ Công Vương Phật, một tượng thờ ở bàn thờ Ngọc Hoàng Thượng Đế, một tượng thờ ở bàn thờ Tổ Sư.
- 17 Nguyễn Thanh Phong (2018), “Sự dung nạp tín ngưỡng Ngũ Công Vương Phật trong đạo Bửu Sơn Kỳ Hương”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 10 (178), tr. 110-130.
- 18 Trần Hoàng Vũ (2011), “Vì sao gọi Bửu Sơn Kỳ Hương là đạo Lành?”, *Xưa và Nay*, số 385, tháng 8/2011.
- 19 Trần Hoàng Vũ (2011), “Vì sao gọi Bửu Sơn Kỳ Hương là đạo Lành?”, bdd.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan An (2010), “Ông Đạo - một hiện tượng tôn giáo lý thú ở Nam Bộ”, *Xưa và Nay*, số 349-350.
2. Hà Tân Dân (1971), *Hệ phái Tứ Ân Hiếu Nghĩa*, Tủ sách sưu khảo sử liệu Phật giáo Bửu Sơn Kỳ Hương, Sài Gòn.
3. Dật Sĩ, Nguyễn Văn Hầu (1972), *Thất Sơn mẫu nhiệm*, Nxb. Từ Tâm, Sài Gòn.
4. Nguyễn Văn Hầu (1956), *Đức Cố Quán hay cuộc khởi nghĩa Bảy Thưa*, Nxb. Tân Sanh, Sài Gòn.
5. Nguyễn Văn Hầu (1973), *Sám truyền đức Phật Thầy Tây An*, Ban Quản tự Tông Sơn Cổ Tự, Ban Chấn tế Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo.
6. Phạm Bích Hợp (2007), *Người Nam Bộ và tôn giáo bản địa (Bửu Sơn Kỳ Hương - Cao Đài - Hòa Hảo)*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
7. Đinh Văn Hạnh (1999), *Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa của người Việt Nam Bộ (1867-1975)*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
8. Nguyễn Văn Kiềm, Huỳnh Minh (1964), *Tân Châu xưa*, Nxb. Thanh niên, Sài Gòn.
9. Kinh sách của ngài Ngô Lợi và tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa: *Ngọc lịch đồ thơ tập chú, Ngũ Công như Ngũ Công thiên đồ kinh, Ngũ Công cứu kiếp kinh, Ngũ Công bát nhả kinh, Ngũ Công Quan Âm kinh...*
10. Nghệ Văn Lương (1972), *Cà Mau xưa và Long Xuyên nay*, Trung tâm học liệu Bộ Giáo dục, Sài Gòn.
11. Huỳnh Minh (1971), *Sa Đéc xưa và nay*, Cảnh Bằng, Sài Gòn.
12. Nguyễn Thanh Phong (2018), “Sự dung nạp tín ngưỡng Ngũ Công Vương Phật trong đạo Bửu Sơn Kỳ Hương”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 10 (178), tr. 110-130.
13. Nông Huyền Sơn (2013), *Sự thật về những viên ngọc Phật Trùm*. Nguồn An ninh thế giới. Đăng lại trên <https://www.24h.com.vn/tin-tuc-trong-ngay/su-that-ve-nhung-vien-ngoc-phat-trum-c46a530542.html>, 16/2/2019.
14. Võ Văn Thắng (chủ biên, 2018), *Triết lý nhân sinh của người dân Nam Bộ, Việt Nam*, quyển 2, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc tế tại Đại học An Giang, Nxb. Đại học Cần Thơ, Cần Thơ.

15. Nguyễn Thanh Tiên (2005), *Hội kín ở Nam Kỳ cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20*, Luận văn Thạc sĩ Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh.
16. Sơn Nam (1988), *Lịch sử An Giang*, Nxb. Tổng hợp An Giang.
17. Sơn Nam (1997), *Cá tính miền Nam*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
18. Trần Hoàng Vũ (2011), “Vì sao gọi Bửu Sơn Kỳ Hương là đạo Lành?”, *Xưa và Nay*, số 385.

### **Abstract**

#### **THE PHENOMENON OF “UNRIGHTEOUS CLERGYMEN” IN THE SOUTH OF VIETNAM IN THE 19<sup>TH</sup> CENTURY**

**Nguyen Thanh Phong**  
*An Giang University*

The “unrighteous clergymen” used to call leaders of folk religious movements in the South of Vietnam from the reign of King Thieu Tri of the Nguyen dynasty to the French colonial government. It was not a random because the authorities had realized the close relationship between the indigenous religions of the South with armed movements anti-government of many folk religions in South of China. This article explores folk tales and documentaries of the “unrighteous clergymen” in the South, analyses of historical data based on the similarities of the belief of Ngu Cong Vuong Phat, thereby clarifying an interesting cultural and religious phenomenon in the 19<sup>th</sup> century.

**Keywords:** The South of Vietnam; “unrighteous monk”; folk religion; the 19<sup>th</sup> century.